

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU INTDECO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU INTDECO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTDECO IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INTDECO IMPORT EXPORT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110824391

3. Ngày thành lập: 27/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6 phố Tiểu Công Nghệ, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968346461

Fax:

Email: congtyintdeco@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
2.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (Trừ được phẩm, thiết bị y tế)	4649
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bột giấy	4669
6.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
7.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm và động vật hoang dã)	4620
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
11.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
12.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

15.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	8299(Chính)
17.	Bán buôn thực phẩm	4632
18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: Cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...	4722
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4719
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Buôn bán hàng may mặc - Buôn bán giày dép	4641
34.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
38.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
42.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
43.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
44.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
47.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm và các vấn đề liên quan đến pháp lý)	7020
48.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
50.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
51.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
56.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistic (Không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không, cảng hàng không và kinh doanh hàng không chung)	5229
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
60.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
62.	Sản xuất chè	1076
63.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
64.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
65.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
66.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
67.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
68.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ THANH VÂN	Việt Nam	thôn Trình Viên, Xã Phú Túc, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	60.000.000	3,000	001198039215	
2	ĐỖ THUY LINH	Việt Nam	Số nhà 38, xóm 4 Ngõ ngang, Thôn Thanh Xuyên, Xã Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.940.000.000	97,000	001198033587	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: **ĐỖ THUY LINH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/12/1998*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001198033587*

Ngày cấp: *15/03/2024*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 38, Xóm 4 Ngõ ngang, thôn Thanh Xuyên, Xã Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 38, Xóm 4 Ngõ ngang, thôn Thanh Xuyên, Xã Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*